

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác thanh tra; tình hình tiếp công dân;
xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;
phòng, chống tham nhũng 9 tháng đầu năm 2019
(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 19/8/2019)**

Phần I

**Kết quả thực hiện công tác thanh tra; tiếp công dân;
xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng**

A. Khái quát chung

9 tháng đầu năm 2019, Ủy ban nhân dân thị xã đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc; Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân; tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; thông tin, báo cáo kịp thời tình hình giải quyết đơn thư về Ủy ban nhân dân thị xã, coi đây là một nhiệm vụ thường xuyên quan trọng của các cơ quan, đơn vị.

Giao Thanh tra thị xã tổng hợp tình hình giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo định kỳ để báo cáo Thanh tra tỉnh, Thường trực Thị ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã. Qua đó, các cấp lãnh đạo nhanh chóng nắm bắt được tình hình, số lượng đơn thư, kịp thời chỉ đạo giải quyết các vụ việc, không để phát sinh tình trạng tồn đọng, đơn thư kéo dài, vượt cấp xảy ra trên địa bàn thị xã.

B. Kết quả thực hiện công tác

I. Công tác thanh tra kinh tế - xã hội

- Tổng số cuộc tổ chức thực hiện: 05 cuộc (kỳ trước chuyển sang: 0; triển khai trong kỳ báo cáo: 05 cuộc).

- Về hình thức: 04 cuộc thanh tra theo kế hoạch; 01 cuộc thanh tra đột xuất.

Nội dung: thanh tra việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường và việc thực hiện công tác quản lý tài chính, ngân sách của trường Tiểu học Trần Quốc Toản, thị xã An Khê, giai đoạn từ năm học 2016-2017 đến năm học 2017-2018; thanh tra quản lý tài chính – ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản tại UBND xã Thành An; thanh tra toàn diện tình hình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của Ban quản lý Nhà máy rác và Dịch vụ đô thị thị xã; thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý đất đai tại UBND phường An Bình; thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi trên địa bàn thị xã.

- Về tiến độ:

+ Thanh tra theo kế hoạch:

a) Cuộc thanh tra việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường và việc thực hiện công tác quản lý tài chính, ngân sách của trường Tiểu học Trần Quốc Toản, thị xã An Khê, giai đoạn từ năm học 2016-2017 đến năm học 2017-2018: đã ban hành Kết luận thanh tra số 10/KL-TTr ngày 24/4/2019. Theo đó, Chánh Thanh tra thị xã đề nghị Hiệu

trưởng Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn tiếp tục thực hiện nghiêm túc Luật Ngân sách 2015, Luật Kế toán 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân sách; định kỳ hằng năm phải tổ chức công khai, minh bạch việc mua sắm, sửa chữa tài sản công và xây dựng cơ bản; công khai minh bạch về tài chính - ngân sách; việc huy động, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của hội cha mẹ học sinh khi thực hiện chi phải đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, sau khi chi tiêu phải báo cáo công khai quyết toán kinh phí tại cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp và cuộc họp toàn thể Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường theo quy định tại thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

b) Cuộc thanh tra quản lý tài chính – ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản tại UBND xã Thành An: đã ban hành Kết luận số 15/KL-TTr ngày 28/6/2019. Theo đó, UBND xã Thành An đã triển khai thực hiện tốt một số quy định trong công tác quản lý thu, chi tài chính ngân sách. Tuy nhiên, trong 3 năm 2016, 2017 và 2018, UBND xã Thành An đã có một số thiếu sót sau: khi tiếp khách, hội nghị, UBND xã thuê một vài hộ dân phục vụ ăn uống, do đó chứng từ thanh toán (hợp đồng giao khoán, giấy biên nhận tiền viết tay) chưa đảm bảo nguyên tắc tài chính. Ngoài ra, mỗi lần tiếp khách có khá nhiều cán bộ, công chức xã tham dự, không đảm bảo thành phần được tiếp theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính và Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

c) Cuộc thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý đất đai tại UBND phường An Bình: đã ban hành Kết luận số 18/KL-TTr ngày 15/8/2019. Theo đó, yêu cầu Chủ tịch UBND phường tổ chức họp kiểm điểm, xác định trách nhiệm đối với CBCC về những sai sót trong việc lưu trữ hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất đai, lập thủ tục gia hạn sử dụng đất đối với đất công ích, kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình cá nhân, giải quyết tranh chấp đất đai, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; yêu cầu UBND phường thực hiện quản lý, sử dụng đất đai theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các quy định liên quan.

d) Cuộc thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi trên địa bàn thị xã: đang tiến hành.

+ Thanh tra đột xuất:

Cuộc thanh tra toàn diện tình hình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của Ban quản lý Nhà máy rác và Dịch vụ đô thị thị xã: đã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã ký ban hành Kết luận thanh tra số 01/KL-UBND ngày 09/8/2019. Theo đó, yêu cầu Ban Quản lý Nhà máy rác và Dịch vụ đô thị thị xã tổ chức thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước tổng số tiền sai phạm từ các dự án: **332.692.602 đồng**, nộp vào tài khoản tiền gửi của Ban Quản lý Nhà máy rác và Dịch vụ đô thị thị xã tại Kho bạc nhà nước thị xã số tiền: **841.278.400 đồng**, là khoản tài chính của đơn vị không được hạch toán và thể hiện trên sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính; Giao phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã áp dụng hình thức xử phạt đối với hành vi vi phạm Khoản 1 Điều 5, Khoản 3 Điều 13 Luật Kế toán 2015 của ông Phạm Thanh Long và ông Đỗ Tuấn Diệp, theo quy định tại Điểm d Khoản 3, Điểm c Khoản 4 Điều 8; Điểm b Khoản 4, Điểm d Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, hành vi: không hạch toán chứng từ kế toán và thể hiện trên sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính về nguồn tài chính và sử dụng nguồn tài chính của đơn vị; Giao phòng Nội vụ thị xã tham mưu thành lập Hội đồng kỷ luật để xem xét, xử lý trách nhiệm đối với ông Phạm Thanh

Long – Trưởng ban, ông Đỗ Tuấn Diệp – Phó Trưởng ban về những thiếu sót, sai phạm đã nêu trong Kết luận theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008, Luật Viên chức năm 2010; Yêu cầu Trưởng phòng Quản lý đô thị thị xã tổ chức họp kiểm điểm, xác định trách nhiệm, đề xuất Ủy ban nhân dân thị xã hình thức xử lý kỷ luật đối với các cá nhân, trên cơ sở tính chất, mức độ, hành vi vi phạm trong công tác thẩm định dự toán và nghiệm thu các công trình hoàn thành, để xảy ra sai phạm như đã nêu tại Kết luận thanh tra; Yêu cầu Ban Quản lý Nhà máy rác và Dịch vụ đô thị thị xã thực hiện một số biện pháp xử lý khác.

II. Công tác tiếp công dân; xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

1. Tiếp công dân

1.1. Kết quả

Số lượt công dân đã tiếp: 117 lượt (123 người)¹; tăng 74,66% so với cùng kỳ năm 2018 (tăng 50 lượt)².

Trong đó:

* Ban Tiếp công dân thị xã tiếp: 38 lượt (42 người)³; tăng 35,71% so với cùng kỳ năm 2018 (tăng 10 lượt)⁴.

Nội dung phản ánh, kiến nghị: liên quan đến đất đai, xây dựng đô thị, chế độ chính sách...

- Đã chuyển 09 kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định. Kết quả: giải quyết xong 09/09 vụ việc.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã giao các cơ quan chuyên môn tổ chức kiểm tra, giải quyết 21 kiến nghị thuộc thẩm quyền theo quy định. Kết quả: giải quyết xong 15/21 vụ việc, đang giải quyết 06 vụ.

* Các xã, phường tiếp: 79 lượt (81 người)⁵; tăng 102,56% so với cùng kỳ năm 2018 (tăng 40 lượt)⁶.

Nội dung phản ánh, kiến nghị: tranh chấp lối đi, đường nội đồng; tranh chấp đất; tranh chấp dân sự...

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường đã tiếp nhận, xử lý những vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết; giải thích, hướng dẫn, xác minh, tổ chức hòa giải và ban hành văn bản giải quyết phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

1.2. Nhận xét, đánh giá

9 tháng đầu năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường đã triển khai, tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp công dân, đảm bảo theo các quy định pháp luật và văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh: xây dựng, ban hành

¹ Tiếp thường xuyên: 98 lượt (102 người); Tiếp định kỳ: 19 lượt (21 người); Tiếp của người đứng đầu: 20 lượt (22 người).

² 9 tháng đầu năm 2018: tiếp 67 lượt (73 người).

³ Tiếp thường xuyên: 29 lượt (31 người); Tiếp định kỳ: 09 lượt (11 người); Tiếp của người đứng đầu: 09 lượt (11 người).

⁴ 9 tháng đầu năm 2018: tiếp 28 lượt (30 người).

⁵ Tiếp thường xuyên: 69 lượt (71 người); Tiếp định kỳ: 10 lượt (10 người); Tiếp của người đứng đầu: 11 lượt (11 người).

⁶ 9 tháng đầu năm 2018: tiếp 39 lượt (43 người).

kế hoạch tiếp dân; lập và công khai lịch trực tiếp dân; thành phần tiếp công dân theo quy định tham gia các buổi tiếp dân đầy đủ, nghiêm túc.

2. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, kiến nghị

2.1. Kết quả tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn

* Số đơn tiếp nhận trong kỳ: 150 đơn (cấp huyện: 56 đơn⁷; cấp xã: 94 đơn⁸); giảm 20,21% so với cùng kỳ (giảm 38 đơn)⁹.

Phân loại đơn:

+ Theo loại đơn: khiếu nại: 02; kiến nghị, phản ánh: 94; tranh chấp: 54.

+ Theo nội dung: lĩnh vực môi trường: 03; lĩnh vực tư pháp: 12; lĩnh vực đất đai: 110; lĩnh vực hành chính: 14; lĩnh vực khác: 11.

* Số đơn không giải quyết (đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết, đã chuyển đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền; đơn không đủ điều kiện giải quyết, lưu đơn; đương sự rút đơn): 18 đơn (khiếu nại: 01; kiến nghị, phản ánh: 15; tranh chấp: 02).

+ Cấp huyện: 09 đơn (khiếu nại: 01; kiến nghị, phản ánh: 08).

+ Cấp xã: 09 đơn (kiến nghị, phản ánh: 07; tranh chấp: 02).

* Số đơn phải giải quyết: 132 đơn (khiếu nại: 01; kiến nghị, phản ánh: 79; tranh chấp: 52); giảm 17,5% so với cùng kỳ (giảm 28 đơn)¹⁰.

+ Đã xét, giải quyết: 109 vụ (khiếu nại: 01; kiến nghị, phản ánh: 63; tranh chấp: 45); đạt 82,58%.

+ Đang xét, giải quyết: 23 vụ (kiến nghị, phản ánh: 16; tranh chấp: 07). Trong đó: cấp huyện: 09 vụ kiến nghị, phản ánh; cấp xã: 14 vụ (kiến nghị, phản ánh: 07; tranh chấp: 07).

2.2. Kết quả giải quyết đơn

* Số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện: 34 vụ kiến nghị, phản ánh; giảm 12,82% so với cùng kỳ (giảm 05 vụ)¹¹.

+ Đã xét, giải quyết: 25 vụ kiến nghị, phản ánh; đạt 73,53%.

+ Đang xét, giải quyết: 09 vụ.

Nội dung: đề nghị giải quyết việc diện tích đất đang sử dụng thiếu so với Quyết định giao đất; kiến nghị liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ; đề nghị giải quyết việc lấn chiếm đường đi công cộng; kiến nghị liên quan đến việc thực hiện chế độ chính sách thân nhân của liệt sỹ;...

* Số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 98 vụ (khiếu nại: 01; kiến nghị, phản ánh: 45; tranh chấp: 52); giảm 19% so với cùng kỳ (giảm 23 vụ)¹².

- Đã xét, giải quyết: 84 vụ (kiến nghị, phản ánh: 12; tranh chấp: 22); đạt 85,71%.

+ Hòa giải thành: 30 đơn.

⁷ Khiếu nại: 01; kiến nghị, phản ánh: 50; tranh chấp: 05.

⁸ Khiếu nại: 01; kiến nghị, phản ánh: 44; tranh chấp: 49.

⁹ 9 tháng đầu năm 2018: tiếp nhận 188 đơn (khiếu nại: 02; tố cáo: 01; kiến nghị, phản ánh: 134; tranh chấp: 51).

¹⁰ 9 tháng đầu năm 2018, số đơn phải giải quyết: 160 đơn (kiến nghị, phản ánh: 111; tranh chấp: 49).

¹¹ 9 tháng đầu năm 2018, số vụ việc thuộc thẩm quyền cấp huyện: 39 vụ kiến nghị, phản ánh.

¹² 9 tháng đầu năm 2018, số vụ việc thuộc thẩm quyền cấp xã: 121 vụ (kiến nghị, phản ánh: 72; tranh chấp: 49).

+ Hòa giải không thành: 10 đơn.

+ Ban hành văn bản trả lời: 44 đơn.

- Đang xét, giải quyết: 14 vụ (kiến nghị, phản ánh: 07; tranh chấp: 07).

Nội dung: phản ánh về việc xả thải trong chăn nuôi làm ô nhiễm môi trường; tranh chấp lối đi, đường nội đồng; tranh chấp đất; tranh chấp hợp đồng dân sự, thừa kế...

2.3. Nhận xét, đánh giá

Số đơn thư tiếp nhận trong 9 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn thị xã giảm 20,21% so với cùng kỳ năm 2018 (giảm 38 đơn); tỷ lệ giải quyết đơn đạt 82,58% (109/132 đơn), tăng 4,45% so với cùng kỳ năm 2018¹³.

Đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn thị xã không có điểm nóng.

III. Công tác phòng, chống tham nhũng:

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Năm 2019, Ủy ban nhân dân thị xã An Khê đã chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12/5/2009 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 cho CBCCVC và nhân dân tại địa phương.

Hình thức tuyên truyền: chọn lọc nội dung cơ bản phổ biến trong các cuộc họp dân ở xã, phường; họp CBCCVC ở cơ quan, đơn vị; tuyên truyền qua hệ thống phát thanh, truyền hình địa phương; tổ chức hội nghị để tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

Trong kỳ, các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã đã tổ chức khoảng 69 buổi tuyên truyền Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,... với khoảng 4.340 lượt người tham dự; phát trên sóng PT-FM: 45 tin bài về giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tuyên truyền 40 lượt Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng; phát trên sóng truyền hình: 26 tin bài về giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, thực hiện 36 chuyên mục “Tìm hiểu pháp luật” với 108 lần phát sóng, thời lượng từ 3-5 phút/chuyên mục.

b) Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng:

Nhằm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Ủy ban nhân dân thị xã An Khê đã ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 15/01/2019 thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019 trên địa bàn thị xã An Khê; Văn bản số 455/UBND-NC ngày 23/4/2019, tổ chức thực hiện Chương trình số 36-CTr/TU ngày 25/3/2019 của Thị ủy An Khê về thực hiện kế hoạch công tác năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phòng, chống tham nhũng.

¹³ 9 tháng đầu năm 2018, tỉ lệ giải quyết đơn đạt 78,13% (125/160 đơn).

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị: Hàng năm Ủy ban nhân dân thị xã đều ban hành văn bản về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã; trong đó có nội dung tiếp tục tuyên truyền, quán triệt, phổ biến nội dung Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11; Nghị định số 04/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành dân chủ đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị; đồng thời, hướng dẫn về tổ chức Hội nghị CBCCVC hàng năm. Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đã tổ chức thực hiện nghiêm túc. Thông qua Hội nghị CBCCVC, Thủ trưởng các đơn vị đã công khai: các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của đơn vị; kế hoạch công tác hàng năm; kinh phí hoạt động cơ quan; việc tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với CBCCVC gắn với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Đến nay, tất cả các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đã tổ chức xong Hội nghị CBCCVC. Nội dung, chất lượng Hội nghị được đảm bảo dân chủ theo Thông tư số 01/2016/TT-BNV, ngày 13/01/2016 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP.

Ban Chỉ đạo QCDC từ thị xã đến cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn, thực hiện tốt quy chế hoạt động. Việc thực hiện QCDC ở xã, phường theo Pháp lệnh 34 đã đạt được những kết quả phần khởi trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đã quán triệt triển khai thực hiện tốt Nghị định 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ, tạo không khí dân chủ, đoàn kết trong nội bộ cơ quan, phát huy được quyền và trách nhiệm làm chủ của CBCCVC. Tác phong, lề lối làm việc của CBCCVC tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, giải quyết kịp thời, hiệu quả hồ sơ công việc của tổ chức, cá nhân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện QCDC ở cơ sở còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế: hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo QCDC ở cơ sở còn chưa cao; thời gian tổ chức Hội nghị CBCCVC ở một số cơ quan, đơn vị chưa đảm bảo theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP (thường tổ chức vào tháng 01); một số cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung công khai theo quy định còn chậm.

b) Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn: Ủy ban nhân dân thị xã đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xây dựng, ban hành, công khai và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn, quy chế chi tiêu nội bộ; thường xuyên kiểm tra việc chấp hành và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn tại cơ quan, đơn vị.

c) Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng: Ủy ban nhân dân thị xã đã chỉ đạo thực hiện Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về việc tặng quà và nộp lại quà tặng của cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Khi có gương điển hình thực hiện tốt nội dung này, Ủy ban nhân dân thị xã; Ủy ban nhân dân xã, phường; cơ quan, đơn vị kịp thời biểu dương, khen thưởng. Hiện nay, tại thị xã An Khê không có cơ quan, đơn vị, CBCCVC vi phạm các quy định về việc tặng quà và nộp lại quà tặng theo Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Việc xây dựng, thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức: Ủy ban nhân dân thị xã đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường; cơ quan, đơn vị thuộc thị xã tiếp tục thực hiện Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/2/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương.

Đoàn Kiểm tra công vụ đã kiểm tra đột xuất việc chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức tại phòng Tài nguyên – Môi trường, Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thị xã, Ủy ban nhân dân các xã Cửu An, Xuân An, Tú An.

đ) Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng: Ủy ban nhân dân thị xã đã ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 30/01/2019 về việc chuyển đổi vị trí công tác năm 2019 đối với công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã và công chức các xã, phường theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 về việc phê duyệt danh sách công chức, viên chức đủ điều kiện chuyển đổi vị trí công tác năm 2019; 10 Quyết định bổ nhiệm, điều động và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị.

e) Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập: Ủy ban nhân dân thị xã giao Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Thanh tra thị xã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2018 theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Năm 2018, tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã triển khai thực hiện việc công khai tài sản thu nhập: 69 cơ quan, đơn vị. Trong đó: 12 đơn vị trực thuộc Thị ủy quản lý; 46 cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã và 11 Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Tổng số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2018 là: 351 người, số người đã kê khai, tài sản, thu nhập: 351 người, đạt 100%.

f) Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: Trong kỳ, không có cơ quan, đơn vị nào để xảy ra tham nhũng, do đó chưa có trường hợp xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị theo Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính Phủ và Nghị định số 211/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

g) Việc thực hiện cải cách hành chính:

Công tác CCHC gắn với việc công khai, minh bạch các biểu mẫu, thủ tục hồ sơ, phí, lệ phí, thời gian giải quyết hồ sơ, quy trình giải quyết công việc hành chính theo yêu cầu của tổ chức và công dân theo hướng đơn giản, rút ngắn thời gian; trách nhiệm cá nhân của từng công chức, viên chức được nâng lên, mức độ hài lòng của người dân được cải thiện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được quan tâm, đầu tư; các cơ quan, đơn vị có TTHC thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có sự nỗ lực cố gắng trong giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, việc giải quyết hồ sơ vẫn còn tình trạng trễ hạn (chủ yếu ở lĩnh vực đất đai).

Phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính trong thời gian tới: Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thị xã An Khê; tiếp nhận, xử lý thông tin của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về những vụ việc cụ thể

trong quá trình thực hiện pháp luật, đề từ đó gắn công tác xây dựng pháp luật với công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL và theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đối với tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của thị xã tập trung về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị xã; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng ứng dụng, kỹ năng sử dụng Hệ thống một cửa điện tử thị xã, hạn chế tình trạng hồ sơ trễ hẹn trên hệ thống và hồ sơ thực tế; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị xã, UBND các xã phường thường xuyên cập nhật, niêm yết đầy đủ các TTHC đã được công bố theo quy định và công khai trên Cổng thông tin điện tử thị xã; thẩm định hồ sơ quy hoạch bổ sung chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các đơn vị trường học; phê duyệt danh sách CCVC đủ điều kiện thực hiện chuyển đổi vị trí công tác năm 2019 theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP, Nghị định số 150/2013/NĐ-CP; tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2019 trực tiếp tại UBND 11 xã, phường theo Kế hoạch số 749/KH-UBND ngày 28/3/2019 của UBND thị xã; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công vụ bằng nhiều hình thức; siết chặt kỷ cương hành chính, đẩy mạnh trách nhiệm của người đứng đầu, nâng cao chất lượng tham mưu, phối hợp của các cấp, các ngành, chất lượng giải quyết công việc cho cá nhân tổ chức; tiếp tục chỉ đạo cải cách mạnh mẽ tài chính công, thực hiện tốt các cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, tăng tính công khai, minh bạch tạo chủ động và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật của Trung ương, của tỉnh, các văn bản về công tác CCHC nhà nước nhằm nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận của nhân dân trong quá trình triển khai, thực hiện.

h) Việc tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính: Ủy ban nhân dân thị xã đã ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp đối với các phòng, ban, cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường. Phổ biến đến CBCCVC về việc sử dụng hòm thư điện tử công vụ trong quá trình trao đổi, phối hợp công tác nhằm nâng cao hiệu quả công việc, giảm thời gian thực hiện, chi phí hoạt động, đảm bảo an toàn thông tin; tăng cường ứng dụng chữ ký số, chứng thư số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

Trong kỳ, tại thị xã An Khê chưa phát hiện có hành vi tham nhũng.

Phần II

Phương hướng nhiệm vụ công tác 3 tháng tiếp theo năm 2019

1. Công tác tiếp dân, xét, giải quyết KNTC:

- Thực hiện công tác tiếp dân thường xuyên tại cơ quan.
- Thanh tra thị xã phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã, Ban Tiếp công dân tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, Ủy ban nhân dân xã, phường giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền. Thẩm tra, xác minh, báo cáo kết quả và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã theo đúng quy định của pháp luật.

- Tổ chức 01 cuộc kiểm tra định kỳ trách nhiệm Thủ trưởng các phòng, ban, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường về công tác tiếp dân; xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- Phần đầu giải quyết trên 85% các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh; xử lý 100% các vụ việc khiếu nại, tố cáo đúng thời hạn luật định; hạn chế đơn thư vượt cấp, giảm số đoàn khiếu nại đông người; chú trọng việc tổ chức thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận tố cáo đã có hiệu lực pháp luật, phần đầu đạt tỷ lệ trên 80%. Tăng cường quản lý nhà nước về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Thanh tra kinh tế - xã hội: thực hiện các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội theo kế hoạch năm 2019 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã phê duyệt; thực hiện các cuộc thanh tra chuyên đề, đột xuất do Chánh Thanh tra tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã giao.

3. Công tác phòng, chống tham nhũng: Gắn thanh tra kinh tế - xã hội với thanh tra việc thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, các phòng, ban, cơ quan thuộc thị xã./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- TT. Thị ủy An Khê;
- TT. HĐND thị xã;
- UBND thị xã;
- Phòng TC-KH;
- Chi cục thống kê;
- Lưu: VT.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Lê Mai Lân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH

(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 19/8/2019)

Đơn vị tính: Tiền (đồng)

[illegible]

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN

(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 19/8/2019)

Đơn vị	Tiếp dân ký và đột xuất của Lãnh đạo										Nội dung tiếp công dân (số vụ việc)										Kết quả qua tiếp dân (số vụ việc)				Ghi chú						
	Tiếp thường xuyên					Đoàn đồng người					Vụ việc					Kiểu nại					Chưa được giải quyết	Chưa có QĐ giải quyết	Đã có QĐ giải quyết (lần 1, 2, cuối cùng)	Đã có bản án của Tòa							
	Vụ việc		Đoàn đồng người			Vụ việc		Lĩnh vực hành chính			Lĩnh vực tư pháp		Lĩnh vực CT, VH, XH khác	Lĩnh vực hình chính	Lĩnh vực tư pháp	Tham nhũng	Phản ánh, kiến nghị, khác														
	Lượt	Người	Cũ	Mới phát sinh	Số đoàn	Người	Cũ	Mới phát sinh	Về tranh chấp, đòi đất cũ, đền bù, giải tỏa...	Về chỉnh sách	Về nhà, tài sản	Về chế độ CC, VC																			
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Cấp huyện	29	31		21					9	11		9														30					
Cấp xã	69	71		69					10	10		10														79					
Tổng	98	102		90					19	21		19														109					



TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN THƯ KHIEU NẠI, TỐ CÁO
(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 19/8/2019)

[illegible]

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 19/8/2019)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	2
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	4.340
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	69
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	0
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	0
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	0
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	0
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	0
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	0
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	0
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	0
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
	<i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i>		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	12
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	100
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG		
	<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	0
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	0
	<i>Qua hoạt động thanh tra</i>		

	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	0
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	0
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	0
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	0
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	Qua điều tra tội phạm		
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG		
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra (trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Người	0
41	Trong đó:		
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	0
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	0
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	0
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	0
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
50	+ Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
52	+ Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
54	+ Đất đai	m ²	0
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
55	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	0
56	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	0
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		
	+ Tặng Giấy khen		

TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA

(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 19/8/2019)

Đơn vị tính: Người

Đơn vị	Thực trạng cán bộ công chức trong kỳ báo cáo						Biến động trong kỳ báo cáo (số CBCC)							Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra								Đào tạo lý luận chính trị	Đào tạo khác (ngoại ngữ, tin học, trên đại học)	Ghi chú
	Tổng số	Trong đó					Tiếp nhận, tuyển dụng	Nghỉ hưu, chuyển công tác	Bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo	Bổ nhiệm vào ngạch, nâng ngạch	Chuyển đổi vị trí công tác	Vi phạm kỷ luật		Tổng số		Trong đó								
		Số TTV cao cấp và tương đương	Số TTV chính và tương đương	Số TTV và tương đương	Số CB, CC, VC trong biên chế	Số lao động hợp đồng								Nhu cầu	Đã thực hiện	Thanh tra viên		Thanh tra viên chính		Thanh tra viên cao cấp				
												Phải xử lý	Đã xử lý			Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện			
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	4	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	2	1	0	0	0	0	1	0	
Tổng	4	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	2	1	0	0	0	0	1	0	